

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NĐ  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/KDTM-ST  
Ngày: 01-6-2021  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Công Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Nguyễn Văn Quý

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NĐ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Ngọc Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NĐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2021/TLST-KDTM ngày 14-01-2021 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-KDTM ngày 26-4-2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng A Việt Nam; địa chỉ: Số 198 đường TQK, phường LTT, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Hồng N - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A Việt Nam - Chi nhánh NĐ (theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-VCB-PC ngày 01-01-2020)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hữu D - chức vụ: Trưởng phòng giao dịch YY - Ngân hàng A chi nhánh NĐ (theo Giấy ủy quyền số 73/UQ-NĐI.HCNSNQ ngày 01-12-2020).

**2. Bị đơn:** Ông Dương Xuân H, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1973; cùng nơi cư trú tại: Tổ 2, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Dương Xuân P, sinh năm 1968, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 2, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định.

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1970, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp 8, xã NCT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu D có mặt; ông Dương Xuân H, bà Trần Thị Ngọc T, ông Dương Xuân P và bà Phạm Thị C đều vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng A Việt Nam (sau đây được viết tắt là VCB) là ông Nguyễn Hữu D trình bày:

Ngân hàng A Việt Nam - Chi nhánh ND và hộ kinh doanh của ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T đã ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533, ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019. Theo hợp đồng và giấy nhận nợ VCB Chi nhánh ND đã giải ngân cho hộ kinh doanh ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T số tiền 2.900.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; thời hạn vay: Thời hạn vay tối đa 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (ngày 13-12-2019); lãi suất trong hạn 8,5%/ năm và cố định trong suốt thời hạn vay, ngày trả lãi là ngày 26 hàng tháng; lãi suất quá hạn 150% của lãi suất trong hạn. Kỳ trả nợ gốc vào cuối kỳ (ngày 13-8-2020).

Để bảo đảm cho các khoản vay và nghĩa vụ thanh toán ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T đã ký hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 917111 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05-01-2019, tại Tổ 2, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định đứng tên Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 917112 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05-01-2019, tại Tổ 2, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định, đứng tên Ông Dương Xuân P và bà Phạm Thị C theo Hợp đồng thế chấp số 02/2018/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T đã trả được lãi trong hạn của hợp đồng là 9.069.349 đồng. Bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi từ ngày 26-02-2020 và nợ gốc từ ngày 13-8-2020. Từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, VCB đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc, đồng thời tạo điều kiện để ông bà trả nợ nhưng ông H và bà T không hợp tác. Do vậy, VCB khởi kiện yêu cầu ông H và bà T phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 tính từ khi vi phạm đến hết ngày 01-6-2021. Cụ thể: Nợ gốc 2.900.000.000 đồng; lãi trong hạn 155.714.213 đồng; lãi quá hạn 296.813.014 đồng; tổng cộng là 3.352.527.227 đồng. Buộc ông H và bà T tiếp tục thanh toán toàn bộ nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Trường hợp ông H và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VCB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm trên; buộc ông H và bà T phải thanh toán các khoản chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc thu hồi nợ.

Trên cơ sở hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng VCB, ông H còn làm hồ sơ yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã được phê duyệt ngày 08-8-2017 cấp phát thẻ (Vietcombank Visa) có hạn mức 100.000.000 đồng; mục đích sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa và dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận thẻ hoặc rút tiền mặt tại ATM hoặc điểm ứng tiền mặt trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Hiệu lực từ ngày phát hành thẻ đến hết tháng 8-2020. Phương thức thanh toán của chủ thẻ gồm giá trị các giao dịch, phí và lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ. Quá trình sử dụng thẻ ông H đã thanh toán đủ đến ngày 03-6-2020. Từ ngày 04-6-2020 ông H đã sử dụng thẻ như sau: Ngày 04-6-2020 sử dụng 64.750.000 đồng (Siêu thị HD2 Hà Nội); ngày 06-6-2020 sử dụng 3.098.000 đồng (Thu Phương Mini Mart Hà Nội); ngày 06-6-2020 sử dụng 31.900.000 đồng (Cty TNHH DV Thuê Ngoại Hà Nội); tổng cộng 99.748.000 đồng. Theo quy định của Ngân hàng VCB thời điểm thanh toán lần đầu tiên là ngày 06-7-2020 nhưng đến nay ông H chưa thanh toán dư nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng VCB. Vì vậy Ngân hàng VCB khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng VCB toàn bộ khoản tiền còn nợ của quá trình sử dụng thẻ tín dụng trên. Kể từ khi vi phạm đến hết ngày 01-6-2021 cụ thể: Số dư cộng dồn, lãi nhập gốc lũy kế đến ngày 05-5-2021 là 127.901.342 đồng; lãi trong hạn phát sinh từ ngày 05-5-2021 là 1.393.726 đồng; phí quá hạn thẻ tín dụng đến ngày 05-5-2021 là 2.685.924 đồng; phí phạt do vượt hạn mức thẻ theo quy định từ ngày 20-5-2021 là 361.644 đồng; tổng cộng là 132.087.266 đồng và buộc ông H tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh tính trên dư nợ thẻ tín dụng từ ngày 02-6-2021 cho đến khi tất toán toàn bộ dư nợ thẻ.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Dương Xuân H trình bày:

Gia đình ông có nghề đúc gia truyền và kinh doanh dịch vụ vận tải cho thuê xe ô tô tự lái. Nhiều năm nay, gia đình ông có quan hệ tín dụng với Ngân hàng VCB chi nhánh ND - Phòng giao dịch YY. Gia đình ông luôn nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng hạn (đã 2 lần đáo hạn hợp đồng). Đồng thời cán bộ Ngân hàng cũng đã thẩm định thực tế về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích. Ngân hàng đã cho gia đình ông vay vốn nhiều lần nhưng đến Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 thì ông mới trả được mấy tháng tiền lãi thì dịch bệnh bùng phát, mọi hoạt động kinh doanh đều phải dừng lại, hàng hóa không bán được, xe không có khách thuê nên gia đình ông lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Hiện tại vợ chồng ông đang nợ VCB 2.900.000.000 đồng nợ gốc và một thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên Dương Xuân H và Trần Thị Ngọc T và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên Dương Xuân P và Phạm Thị C. Các tài sản bảo đảm đều ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Nay ông đề nghị ngân hàng cho ông thời gian giãn nợ là 12 tháng. Nếu trong thời gian cam kết ông không trả được nợ thì ông sẽ tự bán tài sản bảo đảm để trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019 và Hợp đồng thế chấp số 02/2018/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019. Kết quả xem xét,

thẩm định tại chỗ thể hiện: Các tài sản đảm bảo không có tranh chấp về ranh giới, mốc giới và quyền sở hữu. Hiện trạng tài sản bảo đảm không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng VCB rút yêu cầu khởi kiện về dư nợ của thẻ tín dụng.

*Quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của Ngân hàng VCB là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ, tính từ ngày từ ngày vi phạm đến hết ngày 01-6-2021 cho Ngân hàng VCB. Cụ thể: là nợ gốc 2.900.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 155.714.213 đồng; lãi quá hạn 296.813.014 đồng; tổng cộng là 3.352.527.227 đồng. Buộc ông H và bà T tiếp tục thanh toán toàn bộ nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến khi tất toán toàn bộ khoản vay; Trong trường hợp ông H và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VCB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn thì ông H và bà T tiếp tục có nghĩa vụ trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa Ngân hàng VCB tự nguyện rút yêu cầu giải quyết dư nợ gốc, lãi là 132.087.266 đồng của thẻ tín dụng (Vietcombank Visa) tài khoản số V0833000019 đề nghị tách phần yêu cầu dư nợ thẻ tín dụng của Ngân hàng VCB để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 09-01-2019, ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T, ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 với Ngân hàng VCB vay 2.900.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Hộ kinh doanh (Theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 07D8004302). Từ ngày 26-02-2020 đến nay ông H và bà T không trả lãi cho Ngân hàng VCB nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng VCB đã khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn. Nên thuộc vụ án kinh doanh thương mại và quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2]. Xác định về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 ngày 09-01-2019 được ký kết giữa Ngân hàng VCB với ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T, thỏa thuận tại khoản 11.2 Điều 11 của Hợp đồng có quy định “...*giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi Ngân hàng VCB chi nhánh ND có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện*”. Thỏa thuận này phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ND.

[1.3]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có mặt, ông Dương Xuân H, bà Trần Thị Ngọc T, ông Dương Xuân P, bà Phạm Thị C đã được tổng đạt, niêm yết đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T, ông P và bà C.

[2]. Về hợp đồng tín dụng:

[2.1]. Tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Ngày 09-01-2019, VCB chi nhánh ND và hộ kinh doanh của ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T đã ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533. Ngày 13-12-2019, Ngân hàng giải ngân lần thứ 3 (sau hai lần đáo hạn) hai bên ký kết Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 cho vay số tiền 2.900.000.000 đồng. Xét thấy Hợp đồng cho vay theo hạn mức và Giấy nhận nợ có đầy đủ các điều khoản cơ bản, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Thời điểm giao kết các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, Hợp đồng và Giấy nhận nợ có đầy đủ chữ ký của các bên. Do vậy Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 là hợp pháp theo quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, đồng thời chịu trách nhiệm và hậu quả pháp lý của việc không thực hiện hợp đồng.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VCB: Ngày 13-12-2019, Ngân hàng VCB đã giải ngân theo phương thức chuyển khoản số tiền 2.900.000.000 đồng vào tài khoản số 0837000137343 của ông Dương Xuân H. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T đã trả được một lần lãi (ngày 10-01-2020) của hợp đồng là 9.069.349 đồng, từ ngày 10-01-2020 đến nay không trả được bất cứ khoản nào. Như vậy ông H và bà T bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ lãi từ ngày 26-02-2020 và vi phạm trả nợ gốc từ ngày 13-8-2020 đến nay. Do ông H và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VCB được chấp nhận. Vì vậy buộc ông H và bà T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi suất quá hạn theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533, ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019. Tính từ 26-02-2020 đến hết ngày 01-6-2021. Cụ thể: Nợ gốc 2.900.000.000 đồng; lãi trong hạn 155.714.213 đồng; lãi quá hạn 296.813.014 đồng; tổng cộng là 3.352.527.227 đồng. Nếu ông H và bà T không trả hết các khoản nợ thì còn phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên, kể từ

ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền còn nợ theo quy định “*Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng*”.

[3]. Về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

[3.1]. Về tính hợp pháp hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, các bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 917111, thửa số 555, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Tổ 2, khu A, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05-01-2019, đứng tên Dương Xuân H và Trần Thị Ngọc T và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2018/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 917112, thửa số 550, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Tổ 2, khu A, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05-01-2019, đứng tên Dương Xuân P và Phạm Thị C. Xét thấy các hợp đồng thế chấp trên đều được lập thành văn bản, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, giao dịch không bị lừa dối, không bị ép buộc, không trái đạo đức, không trái pháp luật. Hợp đồng thế chấp được công chứng đúng quy định pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm là phù hợp với quy định tại các điều 117, 119, 317 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên hai hợp đồng thế chấp trên đều hợp pháp và có hiệu lực.

[3.2]. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng cộng là 3.352.527.227 đồng theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 thì Ngân hàng VCB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm (Theo hai hợp đồng thế chấp trên) để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp sẽ dùng để thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt, chi phí bảo quản, xử lý tài sản thế chấp và các chi phí cần thiết khác có liên quan đến xử lý tài sản, phí phát sinh cho đến ngày thi hành án xong. Số tiền phát mãi tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T phải dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền định đoạt của mình để thanh toán các khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng VCB. Trường hợp phải phát mại tài sản thế chấp thì vợ chồng ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T được quyền ưu tiên mua trước.

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện dư nợ thẻ tín dụng: Tại phiên tòa Ngân hàng VCB rút yêu cầu giải quyết dư nợ gốc, lãi của thẻ tín dụng (Vietcombank Visa) tài khoản số V0833000019. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[5]. Về chi phí, lệ phí xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng VCB tự nguyện nộp toàn bộ (Ngân hàng VCB đã nộp đủ).

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí kinh doanh thương mại: Ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp tương ứng với số tiền phải trả là 3.352.527.227 đồng; cụ thể là 72.000.000 đồng +  $(1.352.527.227 \times 2\%) = 99.050.544$  đồng (Được làm tròn là 99.050.000 đồng).

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VCB được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp 48.400.000 đồng được trả lại.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 317, 318, 319, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam;

2. Buộc ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 tính từ 26-02-2020 đến hết ngày 01-6-2021. Cụ thể: Nợ gốc 2.900.000.000 đồng; lãi trong hạn 155.714.213 đồng; lãi quá hạn 296.813.014 đồng; tổng cộng là 3.352.527.227 đồng (Ba tỷ ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 02-6-2021, ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T còn phải chịu lãi suất theo quy định của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Ghi nhận việc rút yêu cầu giải quyết dư nợ gốc, lãi của thẻ tín dụng (Vietcombank Visa) tài khoản số V0833000019 đứng tên Dương Xuân H của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

4. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/11282533 ngày 09-01-2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 13-12-2019 thì Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CK 917111 có thửa số 555, tờ bản đồ số 20, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2019 tại: Tổ 2, khu A, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định, đứng tên ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T; theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019 và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CK 917112 tại thửa số 550, tờ bản đồ số 20, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05-01-2019 tại: Tổ 2, khu A, thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định, đứng tên Dương Xuân P và bà Phạm Thị C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2018/VCB.NDI-TC/11282533 ngày 07-01-2019. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp sẽ dùng để thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, chi phí bảo quản xử lý tài sản thế chấp và các chi phí cần thiết khác có liên quan đến xử lý tài sản, phí phát sinh cho đến ngày thi hành án xong. Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T phải dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền định đoạt của mình để thanh toán khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Trường hợp phải phát mại tài sản thế chấp thì vợ chồng ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T được quyền ưu tiên mua.

5. Về chi phí, lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam đã nộp đủ);

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Ngọc T liên đới phải nộp là 99.050.000 đồng (Chín mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam khoản tiền 48.400.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003475 ngày 14-01-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố ND.

7. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Dương Xuân H, bà Trần Thị Ngọc T, ông Dương Xuân P và bà Phạm Thị C có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự;



thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Công Khánh**

**CÁC THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Công Khánh**

